TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 561/2018/DS-ST
Ngày: 04/10/2018
V/v tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tình Thanh Phước

2. Bà Huỳnh Nguyễn Anh Phương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Phương- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2079/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4448/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4819/2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T; Trụ sở: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường M, Quận K, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 01 năm 2018) (Có đơn xin vắng mặt ngày 02/10/2018).

Bị đơn: Ông Nguyễn Quang K, sinh năm 1982; Địa chỉ: 15A/57 đường T, phường B, Quận M, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T do ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 05 tháng 7 năm 2011, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và ông Nguyễn Quang K có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín

dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông K, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 22.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông K.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng nói trên, ông Nguyễn Quang K đã thực hiện các giao dịch chi tiêu cá nhân, từ tháng 01/2015 đến nay thì ông K không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T; Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ cho ông K nhưng ông vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23 tháng 3 năm 2015, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 04/10/2018 là 39.180.051 đồng; trong đó nợ gốc là 16.400.799 đồng và nợ lãi quá hạn là 22.779.252 đồng sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sài Gòn T với lãi suất quá 3,225%/tháng. Yêu cầu thanh toán làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày 04/10/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ.

Bị đơn là ông Nguyễn Quang K không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về pháp luật tố tụng:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đối với ông Nguyễn Quang K. Xét ông Nguyễn Quang K cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo kết quả xác minh của Công an phường Bến Nghé, Quận 1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

Đối với yêu cầu của Nguyên đơn đòi số tiền gốc là 16.400.799 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp, gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bảng sao kê thẻ tín dụng số 512341-8195, đã có đủ cơ sở xác định: Với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng, ông Nguyễn Quang K đã đề nghị và được Ngân hàng TMCP Sài Gòn T cấp thẻ tín dụng số 512341-8195 với hạn mức 22.000.000 đồng. Đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch khác nhau và ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 01/2015 theo các sao kê do phía nguyên đơn nộp. Do ông K vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23 tháng 3 năm 2015, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ gốc là 16.400.799 đồng sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp, thông báo hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông K vẫn không có mặt để giải quyết vụ án, mặc nhiên từ bỏ quyền lợi của chính mình, đồng thời phải chịu mọi hậu quả đối với việc vắng mặt này; Hội đồng xét xử xét thấy ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T về việc ông K phải trả tiền nợ gốc 16.400.799 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu về nợ lãi quá hạn của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu bị đơn phải thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng căn cứ trên Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T kèm theo; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc

ngân hàng Nhà nước về ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng và Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng do đó cần xem xét chấp nhận, buộc ông Nguyễn Quang K phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử vụ án (04/10/2018) là 22.779.252 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi ông Nguyễn Quang K phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T là 22.779.252 đồng.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 5 và khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Quang K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 5 và khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí tòa án.

Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Quang K trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T số tiền 39.180.051 (Ba mươi chín triệu một trăm tám mươi nghìn không trăm năm mươi mốt) đồng (trong đó nợ gốc là 16.400.799 đồng và nợ lãi quá hạn là 22.779.252 đồng). Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Quang K còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức

lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Quang K phải chịu 1.959.003 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T không phải chịu ánn phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T 813.329 (Tám trăm mười ba nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0022325 ngày 20/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Đức Lê